

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
Văn phòng HĐND và UBND phường Quyết Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 3 tháng đầu năm như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
	Phí...	0	0	0	0
	Phí...	0	0	0	0
3	Thu SXKD, dịch vụ	0	0	0	0
	Thu SXKD, dịch vụ	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp	0	0	0	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
3	Chi SXKD, dịch vụ	0	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
	Phí...	0	0	0	0
	Phí...	0	0	0	0

B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.807.903.000	2.421.064.086	22,40	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.807.903.000	2.421.064.086	22,40	0
1	Chi quản lý hành chính	6.887.103.000	2.016.659.686	29,28	0
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.545.802.000	738.613.727	20,83	0
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.341.301.000	1.278.045.959	38,25	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0	0	0
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	2.761.800.000	224.204.400	8,12	0
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.761.800.000	224.204.400	8,12	0
12	Chi sự nghiệp An ninh	1.159.000.000	0	0	0
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.159.000.000	180.200.000	15,55	0

ĐA X.H.C.
VĂN PHÒNG
CỘNG HÒA
VÀ ỦY BAN NH
THÁNG

II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Dự án A	0	0	0	0
1.2	Dự án B	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	0	0
2.2	Dự án B	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	0	0
3.2	Dự án B	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	0	0
4.2	Dự án B	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	0	0
5.2	Dự án B	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	0	0
6.2	Dự án B	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	0	0
7.2	Dự án B	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	0	0
8.2	Dự án B	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	0	0
9.2	Dự án B	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	0	0
10.2	Dự án B	0	0	0	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	0	0	0	0
11.1	Dự án A	0	0	0	0
11.2	Dự án B	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp An ninh	0	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	0	0
10.2	Dự án B	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0



9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	0	0	0	0
12	Chi sự nghiệp An ninh	0	0	0	0

Quyết Thắng, ngày 9 tháng 4 năm 2026

Chánh Văn phòng

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Văn Chung